

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2023

“ Về việc tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Ngọc Vạn và ông Phạm Huy Diệu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Ninh Giang tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yển - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/2/2023, về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2023, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn Trại Mũa, xã An Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Đoàn Đình B, sinh năm 1974. Trú tại: Thôn Ứng Mộ, xã An Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Đoàn Đình B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2000, tại UBND xã An Đức, huyện Ninh Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, luôn sống trong tình trạng căng thẳng, vì thế chị đã về nhà bố mẹ để sống ly thân anh B từ năm 2013 cho đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Về con chung: Chị và anh B có hai con là Đoàn Đình V, sinh năm 2001 và Đoàn Thị Ngọc A, sinh năm 2002, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Đoàn Đình B trình bày: Thống nhất như lời khai của chị Lê Thị N về thời gian, địa điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Chị N xin ly hôn anh không nhất trí vì sẽ làm ảnh hưởng đến các con, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng chung sống, trường hợp chị N cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh và chị N có hai con như chị N trình bày, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng, đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N ly hôn anh Đoàn Đình B. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2000 tại UBND xã An Đức, huyện Ninh Giang, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai bên sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay nhưng không có biện pháp nào hòa giải đoàn tụ, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Lê Thị N ly hôn anh Đoàn Đình B theo qui định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh B có hai con là Đoàn Đình V, sinh năm 2001 và Đoàn Thị Ngọc Anh, sinh năm 2002, hiện nay các con đã trưởng thành, HĐXX không giải quyết việc chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N ly hôn anh Đoàn Đình B.

2-Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2020/0000309, ngày 24/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

3-Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N và anh Đoàn Đình B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã An Đức, huyện Ninh Giang;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Xuân Trường**

